

THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VINH PHÚC

Lê Thị Hương^{1*}, Mai Thanh Cúc²

¹*NCS Khoa Kinh tế và PTNT, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

²*Khoa Kinh tế và PTNT, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

Email : lethihuongcdkt@gmail.com*

Ngày nhận bài: 07.12.2015

Ngày chấp nhận: 18.03.2016

TÓM TẮT

Trong xu thế toàn cầu hóa kinh tế và thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, trách nhiệm môi trường là một yêu cầu ngày càng trở nên tất yếu đối với các doanh nghiệp. Trách nhiệm này thể hiện qua nhiều cấp độ, trong đó cấp độ cơ bản nhất đó là việc chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Dựa trên kết quả khảo sát tại 92 doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng như các tài liệu liên quan cho thấy, mặc dù trong những năm gần đây doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đã có sự quan tâm bước đầu trong việc lập cam kết bảo vệ môi trường, tuy nhiên việc thực hiện các chương trình giám sát môi trường và công tác quản lý, xử lý chất thải chưa được thực hiện một cách nghiêm túc. Bài viết cũng chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng và khuyến nghị một số giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường thực hiện trách nhiệm môi trường của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Từ khoá: Bảo vệ môi trường, doanh nghiệp nhỏ và vừa, pháp luật về bảo vệ môi trường, trách nhiệm môi trường.

Real Situation and Solutions for Enhancing Environmental Responsibilities of Small and Medium-sized Enterprises in Vinh Phuc Province

ABSTRACT

In the trend of economic globalization and toward the sustainable development goal, environmental responsibility is becoming an indispensable requirement for business enterprises. This is shown through different levels. Among of them, the most basic level is the obedience to the laws on environmental protection. The findings from the survey data of 92 small and medium – sized enterprises and some related documents showed that, although these enterprises have initially concerned about making the commitment to environmental protection in recent years, however, the implementation of the program of environmental monitoring and waste management has not been carried out in an effective and serious way. This article points out some factors that have influence on the implementation of environmental responsibility of small and medium – sized enterprises in Vinh Phuc province and some key measures to strengthen this are also suggested.

Keywords: Environmental protection, environmental responsibility, law about environmental protection, small and medium – sized enterprises.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự phát triển mạnh mẽ của các hoạt động sản xuất trên toàn thế giới với mục đích thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đã kéo theo những bất ổn đối với xã hội và môi trường. Phát biểu của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng tại Hội nghị Bộ trưởng môi trường Asean lần thứ 13 có nêu cảnh

báo của các chuyên gia môi trường quốc tế về nguy cơ thiệt hại do ô nhiễm môi trường ở nước ta trong vòng 10 năm tới, “GDP cứ tăng 1% thì thiệt hại do ô nhiễm môi trường sẽ làm mất đi 3% GDP”. Số liệu thống kê của Ngân hàng Thế giới (WB) cũng đã chỉ rõ, tình trạng ô nhiễm môi trường tại Việt Nam có thể gây thiệt hại đến 5,5 % GDP hàng năm (Đình Đức Trường và Lê Hà

Thanh, 2011). Điều này đòi hỏi các chủ thể của nền kinh tế trong đó có doanh nghiệp phải dành sự quan tâm thỏa đáng đến công tác bảo vệ môi trường, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững. Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu đã chỉ ra rằng, nhìn từ ngắn hạn hoạt động bảo vệ môi trường và phát triển doanh nghiệp tồn tại mâu thuẫn nên thực tế còn một bộ phận không nhỏ doanh nghiệp có xu hướng né tránh hoạt động này.

Trách nhiệm bảo vệ môi trường thể hiện qua nhiều hành động, từ việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường (BVMT) đến những hành động tích cực nhằm giảm thiểu và khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường như trồng cây xanh, tái sử dụng chất thải, tiết kiệm nhiên liệu... Song, với đặc trưng của DNNVV nước ta hiện nay là năng lực tài chính còn hạn chế thì trách nhiệm này đang được xem xét chủ yếu ở nội dung cơ bản nhất, đó là chấp hành các quy định của pháp luật về BVMT như: lập hồ sơ ban đầu về BVMT; thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ và tuân thủ các cam kết về biện pháp quản lý, xử lý chất thải.

Tỉnh Vĩnh Phúc hiện có khoảng 4.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) đang hoạt động, đóng góp 16% vào GDP của tỉnh và giải quyết việc làm cho gần 80 ngàn lao động (UBND tỉnh Vĩnh Phúc, 2015). Bên cạnh các đóng góp tích cực về mặt kinh tế, tỉnh cũng đặt ra yêu cầu đối với khối doanh nghiệp này trong việc giải quyết các vấn đề xã hội và trách nhiệm bảo vệ môi trường. Nghiên cứu nhằm chỉ ra thực trạng, các yếu tố ảnh hưởng và đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường của DNNVV trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thông tin, số liệu thứ cấp được thu thập từ các báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án BVMT, các bản cam kết BVMT; báo cáo công tác giám sát môi trường; báo cáo công tác quản lý, xử lý chất thải của DNNVV... của Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường,

Phòng Tài nguyên & Môi trường thuộc UBND các huyện từ năm 2011 đến năm 2014.

Thông tin sơ cấp được thu thập thông qua khảo sát 92 DNNVV trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc thuộc các huyện, thị: Vĩnh Yên, Yên Lạc, Vĩnh Tường, Lập Thạch. Các DN được khảo sát thuộc 04 ngành nghề kinh doanh tương ứng với cơ cấu ngành của DNNVV trên địa bàn: ngành thương mại - dịch vụ: 53DN; ngành xây dựng: 16 DN; ngành công nghiệp: 17 DN; ngành nông nghiệp: 06 DN. Về quy mô vốn, có 43 DN có vốn đầu tư dưới 10 tỷ đồng; 31 DN có vốn từ trên 10 đến 20 tỷ đồng; 10 DN có vốn từ trên 20 đến 50 tỷ đồng và 08 DN có vốn từ trên 50 đến 100 tỷ đồng.

Nội dung khảo sát chủ yếu tập trung vào các công tác được quy định tại luật BVMT như đăng ký cam kết BVMT, giám sát môi trường định kỳ, quản lý và xử lý chất thải. Ngoài ra, chúng tôi tiến hành phỏng vấn một số cán bộ thuộc Chi cục BVMT nhằm tham khảo các đánh giá, nhận định về tình hình chấp hành pháp luật trong công tác BVMT của DNNVV trên địa bàn.

Phương pháp phân tích trong nghiên cứu được sử dụng chủ yếu là phương pháp thống kê mô tả, phương pháp so sánh, phương pháp chuyên gia để phân tích và đánh giá. Các chỉ tiêu sử dụng trong nghiên cứu bao gồm: Số lượng và tỷ lệ DN đăng ký bản cam kết BVMT, đề án BVMT, báo cáo đánh giá tác động môi trường; Số lượng và tỷ lệ DN vi phạm trong thực hiện công tác giám sát môi trường; Số lượng và tỷ lệ DN vi phạm trong công tác quản lý, xử lý chất thải.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Một số vấn đề lý luận cơ bản về trách nhiệm bảo vệ môi trường của doanh nghiệp

Hoạt động sản xuất kinh doanh là nhóm hoạt động gây tác động mạnh đến môi trường. Những tác động tiêu cực có thể nảy sinh do liên quan đến sử dụng nguồn lực, địa điểm hoạt động, vật ô nhiễm và phế phẩm của doanh nghiệp, nó không chỉ giới hạn trong phạm vi địa

bàn hoạt động của doanh nghiệp mà tác động đến môi trường toàn cầu. Theo đà tăng trưởng về nhân khẩu thế giới và sự gia tăng tiêu thụ, xã hội ngày càng phải đối mặt với rất nhiều thách thức về môi trường, bao gồm cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm, biến đổi khí hậu, phá vỡ hệ sinh thái cũng như sự xuống cấp các khu định cư ở thành thị và nông thôn. Ô nhiễm môi trường và chi phí xã hội mà doanh nghiệp gây ra có thể lớn hơn rất nhiều lần những lợi ích mà họ mang lại cho xã hội (Nguyễn Đình Cung và Lưu Minh Đức, 2008). Cho nên, bất cứ một doanh nghiệp có tinh thần trách nhiệm nào cũng phải gánh vác trách nhiệm BVMT. Trách nhiệm BVMT là một trong các trách nhiệm xã hội cơ bản mà cộng đồng đang đòi hỏi các doanh nghiệp phải thực hiện. Nó không chỉ có ý nghĩa to lớn trong thực hiện mục tiêu phát triển bền vững mà còn có vai trò quan trọng đối với quá trình phát triển của doanh nghiệp. Để có thể cạnh tranh trong nền kinh tế toàn cầu, doanh nghiệp phải đảm bảo hoạt động của mình không gây ra những tác hại đối với môi trường sinh thái, tức là phải thể hiện sự thân thiện với môi trường trong quá trình sản xuất của mình (Trần Hồng Minh, 2009).

Trách nhiệm BVMT của doanh nghiệp không chỉ dừng lại ở ý thức mà còn là nghĩa vụ theo luật định, được thể hiện qua những chiến lược và hoạt động cụ thể của doanh nghiệp nhằm tuân thủ pháp luật về BVMT và thực hiện các hành vi khác có lợi cho môi trường sinh thái.

Luật pháp các quốc gia đều quy định nội dung bắt buộc trong lĩnh vực BVMT phù hợp với đặc thù phát triển. Ở Việt Nam, trách nhiệm cơ bản nhất trong BVMT của tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hiện nay được quy định tại điều 35, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014. Theo đó, các doanh nghiệp có trách nhiệm:

- Thực hiện các biện pháp BVMT nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, bản cam kết bảo vệ môi trường đã đăng ký và tuân thủ tiêu chuẩn môi trường; thực hiện chế độ báo cáo về môi trường theo quy định của pháp luật về BVMT.

- Phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đối với môi trường từ các hoạt động của mình; khắc phục ô nhiễm môi trường do hoạt động của mình gây ra.

- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức BVMT cho người lao động trong cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của mình.

- Chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra BVMT.

- Nộp đầy đủ các loại thuế, phí liên quan đến BVMT.

Ngoài việc tuân thủ các quy định pháp luật về BVMT, doanh nghiệp cũng cần hướng tới những hành động cao thượng hơn, thể hiện trách nhiệm với môi trường thông qua việc chú trọng đào tạo, nâng cao ý thức về môi trường; đề ra những quyết sách và hành động phù hợp để phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm và cải thiện môi trường sinh thái một cách rộng rãi hơn. Một số bộ nguyên tắc hoặc tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường do các tổ chức quốc tế đề xuất gần đây đã định hướng cho các hành vi ứng xử có đạo đức với môi trường dành cho các doanh nghiệp như Bộ nguyên tắc của Liên minh các nền kinh tế có trách nhiệm với môi trường (CERES), tiêu chuẩn ISO 14000. Việc áp dụng các bộ tiêu chuẩn này không chỉ giúp DN kiểm soát tốt các hoạt động bảo vệ môi trường, thỏa mãn yêu cầu của chính phủ mà còn có ý nghĩa như tấm vé thông hành trong các giao dịch kinh doanh trong xu hướng toàn cầu hóa.

3.2. Thực trạng chấp hành pháp luật về BVMT của DNNVV trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

3.2.1. Công tác đăng ký bản cam kết BVMT, đề án BVMT, báo cáo đánh giá tác động môi trường

Theo quy định tại Nghị định số 29/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường; Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận về việc thực

Thực trạng và một số giải pháp tăng cường trách nhiệm bảo vệ môi trường của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

hiện đề án BVMT chi tiết; lập và đăng ký đề án BVMT đơn giản. Các dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh có phát sinh chất thải hoặc các tác động khác đến môi trường đều phải có một hoặc một số văn bản được phê duyệt của cơ quan quản lý nhà nước về BVMT tùy theo mức độ tác động đến môi trường.

Theo số liệu của Chi cục BVMT tỉnh Vĩnh Phúc, năm 2013 toàn tỉnh có 179 DNNVV được cấp Giấy xác nhận đăng ký Bản cam kết BVMT trường hoặc Giấy xác nhận Đề án BVMT đơn giản, tăng 18,5% so với năm 2012. Năm 2014, số DN nghiệp được phê duyệt hồ sơ là 221 DN, tăng 23,5% so với năm 2013. Số liệu thống kê cũng cho thấy giữa các địa phương có sự chênh

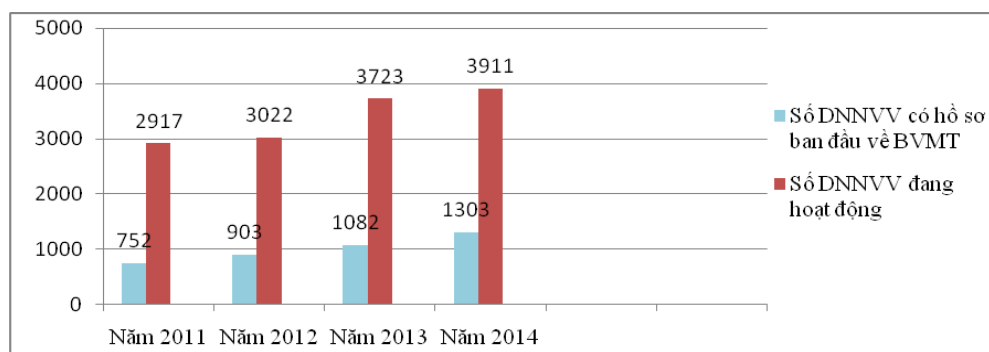
lệch đáng kể về số lượng doanh nghiệp thực hiện quy định này.

Tính chung toàn tỉnh, mặc dù tỷ lệ doanh nghiệp có hồ sơ ban đầu về BVMT so với tổng số doanh nghiệp đang hoạt động có sự cải thiện qua các năm nhưng còn đạt tỷ lệ khá thấp. Năm 2011 có 25,8% số doanh nghiệp thực hiện; năm 2012 và 2013 đạt trên 29%. Lũy kế đến cuối năm 2014 toàn Tỉnh có 1.303 DNNVV được phê duyệt hồ sơ ban đầu về công tác BVMT, bao gồm: Cam kết BVMT, đề án BVMT, báo cáo đánh giá tác động môi trường và bản xác nhận đạt tiêu chuẩn môi trường. Như vậy, đến nay mới có khoảng 33% trong tổng số DNNVV đang hoạt động thực hiện quy định này.

Bảng 1. Tình hình đăng ký Bản cam kết BVMT và Đề án BVMT đơn giản của DNNVV trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc từ năm 2012 đến năm 2014

Huyện	Số lượng DN đăng ký			So sánh	
	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013 so với 2012 (%)	Năm 2014 so với 2013 (%)
TP. Vĩnh Yên	31	36	48	16,1	33,3
Huyện Vĩnh Tường	14	20	26	42,9	30,0
Huyện Yên Lạc	12	7	11	-41,7	57,1
Huyện Lập Thạch	15	21	26	40,0	23,8
Thị xã Phúc Yên	23	29	31	26,1	6,9
Huyện Tam Dương	13	17	19	30,8	11,8
Huyện Tam Đảo	6	9	11	50,0	22,2
Huyện Bình Xuyên	31	35	42	12,9	20,0
Huyện Sông Lô	6	5	7	-16,7	40,0
Cộng	151	179	221	18,5	23,5

Nguồn: Chi cục Bảo vệ môi trường Vĩnh Phúc



Hình 1. Công tác đăng ký hồ sơ BVMT của DNNVV tỉnh Vĩnh Phúc

Nguồn: Sở KH&ĐT và Chi cục BVMT, 2014

Kết quả khảo sát tại 92 DNNVV cho thấy, số doanh nghiệp có phát sinh nước thải chiếm 95,7%; chất thải rắn chiếm 83,7%; có 12% doanh nghiệp phát sinh khí thải, khói bụi và 20,7% doanh nghiệp có phát sinh chất thải nguy hại. Đối chiếu với quy định tại Nghị định số 29/2011/NĐ-CP và Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT thì hầu hết các doanh nghiệp trên thuộc đối tượng lập cam kết BVMT, tuy nhiên, chỉ có 15 doanh nghiệp đăng ký cam kết BVMT, 05 doanh nghiệp đã lập đề án BVMT đơn giản, 01 doanh nghiệp lập Đề án BVMT chi tiết và 04 doanh nghiệp đã lập báo cáo đánh giá tác động môi trường. Như vậy, chỉ có 27,2% số doanh nghiệp được khảo sát chấp hành quy định trong lập hồ sơ ban đầu về BVMT. Xét tương quan theo ngành nghề kinh doanh: có 15 trong tổng số 16 doanh nghiệp công nghiệp thực hiện quy định này, đạt 94%; trong khi đó ngành thương mại - dịch vụ có tỷ lệ thực hiện thấp nhất chỉ đạt 11,3%.

3.2.2. Công tác giám sát môi trường định kỳ

Theo quy định hiện hành, đối tượng phải thực hiện chương trình giám sát môi trường là tất cả các cơ sở đang hoạt động, thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và bản cam kết bảo vệ môi trường. Kỳ lập báo cáo giám sát môi trường là 3 tháng 1 lần hoặc 6 tháng 1 lần tùy theo đặc thù hoạt động của đơn vị hoặc quy định của địa phương. Tuy nhiên, công tác giám sát môi trường và lập báo cáo định kỳ theo quy định tại các DNNVV đến nay vẫn còn rất hạn chế.

Theo kết quả khảo sát tại 92 DNNVV trên địa bàn, chỉ có 08 doanh nghiệp cho biết đã thực

hiện giám sát và báo cáo định kỳ (chiếm 8,7% số DN được khảo sát), còn lại 84 doanh nghiệp chưa thực hiện công tác này. Trong đó, về tần suất giám sát: có 07 doanh nghiệp giám sát 1 lần/năm, 01 doanh nghiệp thực hiện giám sát 2 lần/năm. Về cấp quản lý: có 05 doanh nghiệp thuộc quản lý của cấp tỉnh, 03 doanh nghiệp thuộc quản lý cấp huyện. Tất cả các trường hợp có lập báo cáo giám sát môi trường đều thuộc ngành công nghiệp và có vốn đầu tư từ trên 20 đến 100 tỷ đồng.

Số liệu thống kê tình hình nộp báo cáo giám sát môi trường định kỳ tại Phòng TN&MT các huyện và Chi cục BVMT từ năm 2011 đến năm 2014 cho thấy, hàng năm số DNNVV thực hiện công tác này có tăng lên nhưng tỷ lệ doanh nghiệp báo cáo so với tổng số doanh nghiệp có hồ sơ ban đầu về BVMT còn rất thấp. Năm 2011, chỉ có 34 doanh nghiệp nộp báo cáo định kỳ trong tổng số 752 doanh nghiệp có hồ sơ, tương đương với 4,5%. Đến năm 2014, số doanh nghiệp nộp báo cáo tăng lên thành 84 doanh nghiệp nhưng tỷ lệ thực hiện cũng chỉ đạt 6,4%. Các DN do cấp tỉnh quản lý có tỷ lệ thực hiện cao hơn gấp 3 lần so với các DN do cấp huyện quản lý.

Theo đánh giá của cán bộ Chi cục BVMT, nguyên nhân cơ bản của tình trạng trên gồm có: ý thức chấp hành pháp luật về BVMT của chủ doanh nghiệp còn chưa cao; phần lớn chủ doanh nghiệp chưa nắm rõ quy định hoặc không có chuyên môn để thực hiện. Thực tế cho thấy, công tác giám sát môi trường định kỳ cần được thực hiện bởi những người có chuyên môn về lĩnh vực môi trường, trong khi đó hầu hết các DNNVV hiện nay chưa có cán bộ môi trường

Bảng 2. Tình hình nộp báo cáo giám sát môi trường định kỳ của DNNVV

Năm	Cấp huyện quản lý			Cấp tỉnh quản lý		
	Số DN nộp báo cáo	Số DN có hồ sơ ban đầu	Tỷ lệ (%)	Số DN nộp báo cáo	Số DN có hồ sơ ban đầu	Tỷ lệ (%)
2011	22	656	3,4	12	96	12,5
2012	39	796	4,9	17	107	15,9
2013	48	968	5,0	18	114	15,8
2014	63	1.185	5,3	21	118	17,8

Nguồn: Chi cục BVMT, 2014

chuyên trách, nên phần lớn các DN phải thuê dịch vụ trong thực hiện nội dung này. Tuy nhiên, hiện nay hoạt động của các đơn vị dịch vụ, tư vấn trong lĩnh vực môi trường trên địa bàn chưa phổ biến và thiếu chuyên nghiệp, đồng thời các DNNVV cũng gặp khó khăn về tài chính nên thường né tránh hoặc trì hoãn thực hiện quy định này.

3.2.3. Công tác quản lý, xử lý chất thải

Đa số các DNNVV trên địa bàn tỉnh nằm xen kẽ ở các khu dân cư, trong đó có nhiều doanh nghiệp tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm như sản xuất hàng dệt may, da giày, chế biến nông sản, sản xuất đồ gỗ, sản xuất vật liệu xây dựng, tái chế phế liệu. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy công tác quản lý, xử lý chất thải của các DN này phần lớn không đảm bảo quy định.

- Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường

Theo thống kê từ Sở TN&MT Vĩnh Phúc, tổng lượng chất thải rắn phát thải trên địa bàn tỉnh hiện tại vào khoảng 1.600 tấn/ngày (tương đương khoảng 576.000 tấn/năm), trong đó riêng chất thải rắn công nghiệp là 772 tấn/ngày. Trong số 37 doanh nghiệp được khảo sát có phát sinh chất thải rắn công nghiệp, chỉ có 19 doanh nghiệp ký hợp đồng với các đơn vị chức năng để thu gom, xử lý; 03 doanh nghiệp tự xử lý, còn lại 15 doanh nghiệp gom chung với rác thải sinh hoạt. Các kết luận thanh tra, kiểm tra của Sở TN&MT cũng phản ánh tình trạng phần lớn doanh nghiệp không phân loại chất thải khó tiêu hủy tại nguồn, tập kết chất thải lâu ngày, bãi tập kết chất thải không có mái che gây ô nhiễm môi trường nước, môi trường không khí.

- Đối với chất thải nguy hại

Theo thống kê của Chi cục BMVT, đến hết năm 2014 toàn tỉnh có 752 DNNVV phát sinh chất thải nguy hại. Trong đó chỉ có hơn 200 doanh nghiệp đăng ký sở chủ nguồn thải và có 06 doanh nghiệp đã được cấp phép xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại. Phần lớn số doanh nghiệp còn lại ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để tổ chức vận chuyển, xử lý. Tuy nhiên qua kiểm tra, hầu hết các cơ sở đều vi phạm quy định trong quản lý chất thải nguy hại như

không bố trí nơi lưu giữ chất thải nguy hại hoặc nơi lưu giữ không đảm bảo quy định; lưu giữ chất thải quá thời gian quy định mà không có báo cáo với cơ quan quản lý; không thực hiện việc dán nhãn hoặc dán nhãn không đúng theo quy định...

Trong số 92 DN được khảo sát tại nghiên cứu này có 19 doanh nghiệp thải ra chất thải nguy hại song chỉ có 06 doanh nghiệp đăng ký sở chủ nguồn thải, chiếm 34,3%; 20 doanh nghiệp lập báo cáo định kỳ về công tác quản lý chất thải nguy hại, chiếm 10,5%. Chỉ có 8 doanh nghiệp được cấp phép xử lý hoặc ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý; các DN còn lại đều gom chung với chất thải công nghiệp thông thường hoặc bán phế liệu có chứa chất thải nguy hại cho các đơn vị thu gom, tái chế phế liệu không có chức năng xử lý.

- Đối với nước thải công nghiệp

Kết quả kiểm tra, phân loại trong những năm gần đây của Sở TN&MT Vĩnh Phúc cho thấy, có tới hơn 30% số cơ sở được kiểm tra bị xếp loại gây ô nhiễm môi trường do nước thải công nghiệp, hầu hết thuộc về các cơ sở sản xuất có quy mô nhỏ và vừa ngoài khu công nghiệp. Kết quả khảo sát cho thấy, có 36/92 doanh nghiệp phát sinh nước thải công nghiệp nhưng chỉ có 2 doanh nghiệp có hệ thống xử lý riêng; 21 doanh nghiệp gom chung với nước thải sinh hoạt và 13 doanh nghiệp xả thẳng ra môi trường không qua xử lý.

- Đối với khí thải, khói bụi

Tính đến hết năm 2014, trên địa bàn tỉnh có 286 DNNVV hoạt động trong ngành sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác đá, sản xuất đồ gỗ. Đây là các hoạt động sản xuất gây ra nhiều khí thải (SO_2 , CO, NO, hơi axit) và khói bụi. Ngoài một số doanh nghiệp chế biến gỗ, sản xuất phôi thép có trang bị hệ thống hút bụi ống tay áo hoặc phương pháp xyclon, phần lớn các doanh nghiệp còn lại xử lý khí thải bằng hệ thống quạt hút rồi thải ra ngoài môi trường qua ống khói. Tuy nhiên, khói bụi vẫn chưa được xử lý triệt để, gây ảnh hưởng đến sinh hoạt của người dân. Theo tài liệu của Chi cục BVMT, kết quả quan trắc môi trường không khí năm 2012 ở 20 mô

khai thác đá, đất sét tại huyện Tam Đảo và Tam Dương cho thấy nồng độ bụi thải ra ở các công trường này đều vượt quá tiêu chuẩn cho phép, nhất là tại các khu vực nghiền, sàng đá. Lượng khí độc hại như CO, SO₂ thải ra môi trường rất lớn, có nơi hàm lượng bụi silic tự do vượt quá tiêu chuẩn cho phép 3 - 4 lần. Hầu hết các đơn vị khai thác đều sử dụng công nghệ, máy móc lạc hậu, các điểm khai thác phân tán nên vùng bị ảnh hưởng khá rộng.

Tổng hợp tình hình vi phạm quy định pháp luật về BVMT của các doanh nghiệp qua 03 đợt kiểm tra của Chi cục Bảo vệ môi trường từ năm 2012 đến năm 2014 đã cho thấy hầu hết các nội dung vi phạm chủ yếu trong quản lý, xử lý chất thải đều có tỷ lệ doanh nghiệp vi phạm rất cao, đặc biệt đối với xử lý nước thải công nghiệp và chất thải nguy hại (Bảng 3).

3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến trách nhiệm môi trường của DNNVV trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

Về mặt lý thuyết, trách nhiệm môi trường của DN chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố. Song, từ kết quả khảo sát của nghiên cứu và các số liệu thứ cấp liên quan cho thấy có 4 nhân tố cơ bản ảnh hưởng đến việc chấp hành pháp luật về BVMT của các DNNVV trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Bao gồm: (1) ý thức của lãnh đạo DN về trách nhiệm với môi trường, (2) năng lực tài

chính, (3) sức ép từ phía cộng đồng và thị trường, (4) hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường ở địa phương.

Ý thức của lãnh đạo DN về trách nhiệm với môi trường là yếu tố đầu tiên ảnh hưởng đến hành vi của DN trong công tác BVMT. Kết quả kiểm tra của Chi cục BVMT qua các 3 năm gần đây cho thấy, có hơn 70% đơn vị được kiểm tra trong đó chủ yếu là DNNVV không khắc phục hoặc khắc phục chưa triệt để các vi phạm được chỉ ra ở các lần kiểm tra trước. Một số DN có khắc phục nhưng chỉ mang tính chất đối phó, thủ tục. Điều đó cho thấy các DN này chưa thực sự quan tâm đến việc thực hiện pháp luật về BVMT.

Công tác BVMT cũng chịu ảnh hưởng đáng kể bởi năng lực tài chính của doanh nghiệp. Phần lớn các DNNVV do khả năng tài chính hạn chế nên vẫn sử dụng hệ thống máy móc thiết bị, công nghệ cũ, khả năng phát sinh chất thải lớn. Để xây dựng, vận hành một hệ thống kiểm soát và xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn hoặc ký hợp đồng với các đơn vị có đủ chức năng thu gom, xử lý thì các DN phải chi ra một khoản chi phí không nhỏ. Kết quả khảo sát tại 92 DN cho thấy, có 58 DN (63%) cho rằng họ gặp khó khăn về tài chính trong thực hiện các hoạt động BVMT. Điều này cũng được thể hiện thông tình hình thực hiện công tác giám sát môi trường định kỳ từ năm 2011 đến 2014, trong khi các doanh nghiệp được quản lý ở cấp tỉnh (là các DN

Bảng 3. Tổng hợp tình hình kiểm tra công tác BVMT tại các DNNVV từ năm 2012 đến 2014 của Sở TN&MT Vĩnh Phúc

Nội dung vi phạm	Số DN có trách nhiệm liên quan	Số DN vi phạm	Tỷ lệ vi phạm (%)
Chưa lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án BVMT hoặc bản cam kết BVMT	222	51	22,97
Không thực hiện đúng quy định trong công tác giám sát môi trường và lập báo cáo định kỳ về công tác BVMT	222	182	81,98
Chưa được cấp giấy phép về khai thác và sử dụng nước giếng khoan	93	86	92,47
Xử lý nước thải công nghiệp không đúng quy định	207	169	81,64
Hệ thống xử lý nước thải không đảm bảo dẫn đến các chỉ tiêu vượt quá quy chuẩn cho phép	222	17	7,66
Không có hệ thống xử lý khí thải, khói bụi	96	71	73,96
Quản lý và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường không đảm bảo quy định	204	112	54,9
Quản lý và xử lý CTNH không đúng hoặc không đảm bảo quy định	174	151	86,78

Nguồn: Sở TN&MT Vĩnh Phúc, 2014

có quy mô thuộc diện phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường) có tỷ lệ thực hiện đạt từ 12,5 - 17,8% thì tỷ lệ này chỉ vào khoảng 3 - 5% đối với nhóm doanh nghiệp được quản lý ở cấp huyện. Toàn bộ 08 DN có thực hiện công tác giám sát môi trường định kỳ theo kết quả khảo sát của tác giả đều có vốn đầu tư trên 20 tỷ đồng.

Về sức ép thị trường và cộng đồng, kết quả khảo sát cho thấy: Hầu hết các DNNVV trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc hiện nay chưa tham gia mạnh mẽ vào các chuỗi cung ứng giá trị toàn cầu, thị trường tiêu thụ vẫn chủ yếu mang tính chất vùng miền nên sức ép thị trường trong việc thực hiện trách nhiệm xã hội - môi trường là không đáng kể. Sức ép từ cộng đồng dân cư về vấn đề ô nhiễm môi trường đối với DNNVV trên địa bàn cũng không đáng kể. Tổng hợp số liệu hàng năm của các địa phương cho thấy, từ năm 2011 trở lại đây toàn Tỉnh tiếp nhận hơn 30 vụ khiếu kiện về vấn đề ô nhiễm môi trường, tuy nhiên các vụ khiếu kiện chủ yếu tập trung ở các làng nghề, bãi tập kết rác thải và lò gạch thủ công, ít nhằm đến các DNNVV.

Công tác quản lý nhà nước về môi trường của các cơ quan chức năng ở địa phương có ảnh hưởng rất lớn đến tình hình chấp hành pháp luật về BVMT của các DNNVV. Tần suất, quy mô các đợt thanh tra, kiểm tra công tác BVMT tỷ lệ thuận với kết quả chấp hành quy định pháp luật về BVMT của các doanh nghiệp. Lãnh đạo Chi cục BVMT cho biết, một số huyện thường xuyên triển khai các đợt kiểm tra về công tác BVMT, nghiêm túc xử lý vi phạm và làm tốt công tác tư vấn, đôn đốc các cơ sở trong việc chấp hành quy định pháp luật về BVMT như huyện Lập Thạch, huyện Bình Xuyên, thị xã Phúc Yên, thành phố Vĩnh Yên. Trong khi đó một số huyện chưa làm tốt công tác này bao gồm huyện Yên Lạc, Vĩnh Tường, Tam Đảo. Theo đó, kết quả kiểm tra của Chi cục BVMT, Sở Tài nguyên & Môi trường qua các năm cho thấy, tỷ lệ DN vi phạm các quy định về BVMT ở các huyện Yên Lạc, Vĩnh Tường, Tam Đảo cao hơn hẳn so với các địa phương khác như Bình Xuyên, Phúc Yên, Lập Thạch. Việc thiếu quyết

liệt trong xử lý vi phạm cũng là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn tới tình trạng cố tình vi phạm quy định pháp luật về BVMT ở các doanh nghiệp. Theo báo cáo của Chi cục BVMT, năm 2012 có 31 đơn vị vi phạm, tuy nhiên chỉ có 5 đơn vị được đề xuất xử phạt với mức phạt từ 2 đến 18 triệu đồng. Tổng kết công tác kiểm tra của Chi cục từ năm 2012 đến 2014 chỉ có 21 DNNVV bị xử phạt, tổng số tiền phạt là 272,4 triệu đồng, không có đơn vị nào bị buộc ngừng hoạt động hoặc di dời.

3.4. Một số giải pháp nhằm tăng cường trách nhiệm môi trường của DNNVV trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

Việc chấp hành pháp luật về BVMT của các DNNVV trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc trong những năm gần đây bước đầu đã có những dấu hiệu tích cực, tuy nhiên trách nhiệm này vẫn chưa trở thành mối quan tâm thực sự của một bộ phận lớn các DN trên địa bàn. Nhằm tăng cường hơn nữa trách nhiệm BVMT của DNNVV trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc trong thời gian tới, nhóm nghiên cứu đề xuất một số giải pháp sau:

- Các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường, đặc biệt là Phòng TN&MT các huyện và Chi cục BVMT, cảnh sát môi trường cần tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra đột xuất, kiểm tra định kỳ tình hình chấp hành pháp luật về môi trường của các DN, có các biện pháp xử lý thỏa đáng đối với các trường hợp vi phạm. Bên cạnh đó, cần đôn đốc, hướng dẫn các DNNVV trong việc hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục về BVMT. Để làm được như vậy, cần phải tăng cường về số lượng và trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ làm công tác môi trường ở các địa phương.

- Sở Tài nguyên & Môi trường cần phối hợp với các địa phương, các đoàn thể thường xuyên tổ chức các hoạt động hưởng ứng BVMT, tuyên truyền, giáo dục các kiến thức về BVMT đến cộng đồng bằng nhiều kênh thông tin. Qua đó, cộng đồng dân cư sẽ nhận thức rõ hơn về ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường đến đời sống và sức khỏe con người để có những thái độ mạnh

mẽ hơn đối với các hành vi gây ô nhiễm môi trường từ phía doanh nghiệp.

- Tổ chức các lớp tập huấn cho lãnh đạo doanh nghiệp và cán bộ môi trường về các kỹ thuật, biện pháp quản lý, xử lý chất thải phù hợp với đặc điểm sản xuất và năng lực tài chính của từng nhóm doanh nghiệp.

- Các địa phương, Hội Doanh nghiệp nên có chính sách tuyên dương, khen thưởng đối với các doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm BVMT, đồng thời thông báo đến cộng đồng về các trường hợp doanh nghiệp thường xuyên vi phạm nhằm khuyến khích và nâng cao ý thức của doanh nghiệp trong công tác BVMT.

- Về phía doanh nghiệp: Tùy theo đặc thù nên bố trí cán bộ chuyên trách hoặc bán chuyên trách về môi trường nhằm thuận lợi trong việc thực hiện các chương trình giám sát môi trường. Cần có chính sách tài chính dành cho các hoạt động BVMT, coi chi phí bảo vệ môi trường là một khoản chi phí bắt buộc. Định kỳ tổ chức các lớp bồi dưỡng, giáo dục người lao động về ý thức BVMT và tập huấn các phương án xử lý khi có sự cố về môi trường.

4. KẾT LUẬN

Trách nhiệm môi trường là một yêu cầu ngày càng trở nên tất yếu đối với các doanh nghiệp. Nghiên cứu cho thấy, mặc dù trong những năm gần đây DNNVV trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đã có sự chuyển biến khá rõ rệt trong việc lập cam kết, đề án BVMT, tuy nhiên việc thực hiện các chương trình giám sát môi trường và công tác quản lý, xử lý chất thải chưa được quan tâm đúng mức. Một số lý do cơ bản dẫn tới tình trạng trên là do năng lực tài chính của phần lớn các doanh nghiệp còn hạn chế, ý thức chấp hành pháp luật về BVMT của một số lãnh đạo doanh nghiệp còn chưa cao, chưa có sức ép đủ mạnh từ phía cộng đồng và thị trường. Vì vậy, một số giải pháp chủ yếu được đề xuất là tập trung vào nâng cao vai trò của chính quyền địa phương và các cơ quan quản lý chức năng để thúc đẩy các DNNVV trên địa bàn Vĩnh Phúc

tăng cường thực hiện trách nhiệm xã hội thông qua việc chấp hành pháp luật về BVMT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Báo cáo tổng kết (2014). Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc.
- Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Vĩnh Phúc (2014). Báo cáo tình hình chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2010 – 2014.
- Chi cục Bảo vệ môi trường Vĩnh Phúc (2012). Báo cáo kết quả kiểm tra định kỳ về công tác BVMT tại một số cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh năm 2012.
- Chi cục Bảo vệ môi trường Vĩnh Phúc (2013). Báo cáo kết quả kiểm tra định kỳ về công tác BVMT tại một số cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh năm 2013
- Chi cục Bảo vệ môi trường Vĩnh Phúc (2014). Báo cáo kết quả kiểm tra định kỳ về công tác BVMT tại một số cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh năm 2014.
- Đình Đức Trường và Lê Hà Thanh (2011). Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam nhìn từ góc độ môi trường. Tạp chí Kinh tế & Phát triển, 180: 11-15.
- Nguyễn Đình Cung và Lưu Minh Đức (2008). Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp: Một số vấn đề lý luận và yêu cầu đổi mới trong quản lý nhà nước ở Việt Nam. Tạp chí Quản lý kinh tế, 23: 3-12.
- Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng (2015). Bài phát biểu tại Hội nghị Bộ trưởng môi trường Asean 13. Truy cập ngày 30/10/2015 tại <http://baochinhphu.vn/Cac-bai-phat-bieu-cua-Thu-tuong/Phat-bieu-cua-Thu-tuong-tai-Hoi-nghi-Bo-truong-Moi-truong-ASEAN/239993.vgp>.
- Thành ủy Vĩnh Yên (2014). Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị (Khoá IX) ngày 15-11-2004 “Về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước”
- Trần Hồng Minh (2009). Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp: Nhận thức và thực tế ở Việt Nam. Tạp chí Kinh tế và dự báo, 3(443).
- UNND thành phố Vĩnh Yên (2014). Báo cáo kết quả công tác quản lý đất đai, tài nguyên và môi trường năm 2014, phương hướng, nhiệm vụ năm 2015
- UBND huyện Lập Thạch (2013). Báo cáo kết quả kiểm tra định kỳ về công tác BVMT tại một số cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện năm 2013.